TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02289

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ xử lý chất thải (211304) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09126141	NGUYỄN NGỌC	NHI	DH09SH	1		5	8	8	7,7	7	7
2	09126288	TỪ THỊ HỒNG	NHI	DH09SH	1		10	6	7	7	7	0
3	10126111	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH10SH	1		10	8,6	9	9	9	0
4	09126289	TRẦM THỊ CẨM	NHUNG	DH09SH	1		10	9	8	8,5	8	5
5	09126148	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	DH09SH	2		5	9	10	9,2	9	2
6	09126150	TRẦN	PHÁP	DH09SH	2		5	9,3	8	8,1	8	1
7	09126151	PHẠM TẤN	PHÁT	DH09SH	2		5	9,3	7	7,5	7	5
8	09126155	LÊ VĂN	PHÚ	DH09SH	2		5	8	9	8,3	8	3
9	10126124	NGUYỄN THỊ KIM	PHÚC	DH10SH	2		10	8,6	8	8,4	8	4
10	09126171	PHAN THỦY	QUYÊN	DH09SH	2		10	9	7	7,9	7	9
11	10126135	TRẦN NGUYỄN LỆ	QUYÊN	DH10SH	1		10	8,6	7	7,8	7	8
12	10126138	LƯƠNG THỊ XUÂN	QUỲNH	DH10SH	2		10	8,6	8	8,4	8	4
13	09126178	CHAU PHI	RINNE	DH09SH	2		5	8	8	7,7	7	7
14	10126162	LÊ HOÀNG	THÁI	DH10SH	2		0	8,6	8	7,4	7	4
15	09126192	HÀN THỊ	THANH	DH09SH	2		5	6	9	7,1	7	1
16	09126206	NGÔ THỊ	THẮM	DH09SH	2		10	9	7	7,9	7	9
17	09126291	DANH MINH	THẮNG	DH09SH	1		5	8	7	7,1	7	1
18	09126208	NGUYỄN XUÂN	THẮNG	DH09SH	2		5	9	8	8	8	0

Số bài:...29.....; Số tờ:....49.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Lê Tấn Thanh Lâm

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02289

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ xử lý chất thải (211304) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08126207	QUÁCH VĂN	THIỆU	DH08SH	2		5	9	9	8,6	8	6
20	09126213	LÊ PHƯỚC	THỌ	DH09SH	2		10	9	8	8,5	8	5
21	09126218	NGUYỄN THỊ KIM	THUẬN	DH09SH	2		5	9	10	9,2	9	2
22	09126221	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	DH09SH	2		5	8	9	8,3	8	3
23	09126223	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	DH09SH	2		10	9	7	7,9	7	9
24	09126225	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	DH09SH	2		10	6	7	7	7	0
25	09126231	MAI THỊ THÚY	TÌNH	DH09SH	1		10	9	7	7,9	7	9
26	10126183	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH10SH	1		10	8,6	7	7,8	7	8
27	10126201	ĐOÀN THỊ THU	TUYỀN	DH10SH	2		10	8,6	8	8,4	8	4
28	09126263	VŨ THỊ KIM	UYÊN	DH09SH	1		10	8	9	7,6	7	6
29	09126269	TRẦN THỊ	VÂN	DH09SH	2		5	6	10	8,3	8	3

Số bài: 29 ; Số tờ: 49

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Lê Tấn Thanh Lâm

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02288

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ xử lý chất thải (211304) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (30%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09126015	NGUYỄN THỊ ÁNH	CHÂU	DH09SH	2		10	9	9	9,1	9	1
2	09126018	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	DH09SH	1		10	9	8	8,5	8	5
3	09126280	DANH DUY	CƯỜNG	DH09SH	2		10	9,3	9	9,2	9	2
4	10126017	NGUYỄN HỒ MỸ	DUNG	DH10SH	2		0	8,6	10	8,6	8	6
5	09126033	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	DH09SH	2		5	9,3	8	8,1	8	1
6	10126029	ĐINH THỊ	ĐÀO	DH10SH	1		0	8,6	X	6,8	6	8
7	09126041	LÂM THỦ	ĐÔ	DH09SH	2		10	9,3	8	8,6	8	6
8	09126053	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	DH09SH	2		10	9	X	7,9	7	9
9	08126074	LƯU THỊ	HOA	DH08SH	1		0	8	X	6,6	6	6
10	08126078	NGUYỄN MINH	HOÀNG	DH08SH	1		0	9	X	6,9	6	9
11	09126281	PI NĂNG THỊ	HỒNG	DH09SH	1		5	6	X	6,5	6	5
12	09126068	ĐINH QUANG	HUY	DH09SH	2		10	9,3	8	8,6	8	6
13	09126282	BÁO THỊ XUÂN	HƯƠNG	DH09SH	1		5	6	X	6,5	6	5
14	09126283	TRẦM THỊ MỸ	HƯƠNG	DH09SH	1		10	9	8	8,5	8	5
15	10126066	VÕ VĂN	KIỆT	DH10SH	1		5	8,6	8	7,9	7	9
16	09126096	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	DH09SH	2		5	6	9	7,7	7	7
~~17~~	~~10126069~~	~~PHẠM VĂN~~	~~LÂN~~	~~DH10SH~~								
18	09126103	PHẠM THANH	LIÊM	DH09SH	2		10	9	10	9,7	9	7

Số bài: 23 ; Số tờ: 33

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Lê Tấn Thanh Lâm

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02288

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Công nghệ xử lý chất thải (211304) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/12/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09126105	NGUYỄN THỊ	LIỄU	DH09SH	1		5	9	9	8,6	8	6
20	10126074	VŨ THỊ THÙY	LINH	DH10SH	1		10	8,7	8	8,4	8	4
21	09126285	ĐẶNG THỊ BÍCH	LOAN	DH09SH	1		5	8	8	7,7	7	7
22	09126287	HOÀNG NGỌC	MẠNH	DH09SH	1		5	8,3	9	8,7	8	7
23	10126090	NGUYỄN VĂN TẤN	NAM	DH10SH	2		5	8,6	8	7,9	7	9
24	09126133	TRẦN THỊ TÚ	NGÂN	DH09SH	1		5	8	8	7,7	7	7

Số bài:.....23.....; Số tờ:.....33.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Anh Tuấn

N.T. Hà Vy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS Lê Tấn Thanh Lâm

Ngày tháng năm